

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN GIỒNG TRÔM  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 139/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 15-9-2022  
V/v ly hôn và tranh chấp nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Khắc Giang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Ngọc Diệu
2. Ông Huỳnh Đức Tâm

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Phụng Tường – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm tham gia phiên tòa:***  
Bà Ngô Thị Mỹ Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn và tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 151/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Trần Hoa N, sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp Đ, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

Chị N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt đề ngày 12/8/2022.

*2. Bị đơn:* Anh Diệp Minh D, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Chị Trần Hoa N có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nhưng theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai chị trình bày:*

Chị và anh Diệp Minh D chung sống từ năm 2010, do mai mối và tự nguyện tiến đến hôn nhân. Năm 2019, chị và anh D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre và đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 15/5/2019. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có hạnh phúc được thời gian đầu, đến giữa năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng

quan điểm về tiền bạc, anh D ăn nhậu không lo cho gia đình, vợ con nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Do xác xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu được ly hôn với anh D.

Về con chung: Chị và anh D có 01 con chung tên Diệp Ngọc G, sinh ngày 20/12/2011, hiện nay đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

*Bị đơn anh Diệp Minh D* đã được tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng mời anh đến Tòa án tham dự các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và dự phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án nhưng anh vắng mặt không có lý do nên không có lời khai cũng như không có ý kiến phản đối với yêu cầu khởi kiện của chị N.

*Kiểm sát viên Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

- Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký: Thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chị Trần Hoa N đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Diệp Minh D không thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Trần Hoa N về việc xin ly hôn với anh Diệp Minh D. Về con chung: Giao con chung là cháu Diệp Ngọc G, sinh ngày 20/12/2011 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Trần Hoa N có yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với anh Diệp Minh D, cư trú tại ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn anh Diệp Minh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại tòa không có lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh D là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Theo chị N trình bày thì chị và anh D tự nguyện chung sống từ năm 2010 nhưng chưa đăng ký kết hôn. Năm 2019, chị và anh D đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre và đã được cấp

giấy chứng nhận kết hôn ngày 15/5/2019 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Theo đó, chị N cho rằng sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống có hạnh phúc được thời gian đầu. Đến giữa năm 2019, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm về tiền bạc, anh D không lo cho gia đình, vợ con nên vợ chồng đã sống ly thân từ đó đến nay. Xét thấy, Tòa án đã tiến hành hòa giải để chị N và anh D đoàn tụ nhưng anh D không đến tham dự các phiên hòa giải đã chứng tỏ anh không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị N. Hơn nữa, chị N và anh D không còn chung sống với nhau, mỗi người có một cuộc sống riêng. Như vậy, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng không còn tình cảm, quan tâm chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N đối với anh D là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Chị N và anh D có 01 con chung là cháu Diệp Ngọc G, sinh ngày 20/12/2011. Chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu G. Xét thấy, anh D vắng mặt nên không có ý kiến về việc nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hơn nữa, cháu G hiện nay đang sống với chị N và cháu có nguyện vọng mong muốn được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích về mọi mặt của cháu G tránh làm xáo trộn cuộc sống hiện nay của cháu cần giao cháu G cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình thì chị N có quyền yêu cầu anh D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N tự nguyện không yêu cầu nên ghi nhận.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm chị N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp.

[4] Ý kiến của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình; Các Điều 147, 227, 228, 273, 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Hoa N đối với anh Diệp Minh D.

Chị Trần Hoa N được ly hôn với anh Diệp Minh D.

2. Về con chung: Giao con chung là cháu Diệp Ngọc G, sinh ngày 20/12/2011 cho chị Trần Hoa N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu G đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc chị Trần Hoa N tự nguyện không yêu cầu anh Diệp Minh D cấp dưỡng nuôi con.

Anh Diệp Minh D được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này. Vì lợi ích của con một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Hoa N khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Trần Hoa N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008154 ngày 16/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Bến Tre.

Quyền kháng cáo, kháng nghị: Đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được thông báo, niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện G;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- UBND xã P, huyện G;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Khắc Giang**